

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VẠN NINH
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/DSST

Ngày 21 - 3 - 2025

*“V/v: yêu cầu chia tài sản
chung và tranh chấp tài
sản thừa kế”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH, TỈNH KHÁNH HÒA
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Hòa Thanh
- *Các Hội thẩm nhân dân* Ông Đỗ Ngọc Quý
Ông Hồ Quang Thành
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Xuân Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh - tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Ông Đoàn Anh Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa, tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2024, về *“Yêu cầu chia tài sản chung và tranh chấp tài sản thừa kế”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2025; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 01/TB-TA ngày 21 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2025/QĐST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn H, sinh năm: 1954; Trú tại: Thôn XT 1, xã VH, huyện VN, tỉnh KH.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Chí T – sinh năm: 1992; Trú tại: Thôn XT 1, xã VH, huyện VN, tỉnh KH. (Giấy ủy quyền ngày 12/3/2024). Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tuyết T1 – sinh năm: 1979; Trú tại: Thôn XT 1, xã VH, huyện VN, tỉnh KH. Vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị Tuyết V – sinh năm: 1984; Trú tại: Thôn XT 1, xã VH, huyện VN, tỉnh KH. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị Tuyết G – sinh năm: 1977; Trú tại: Thôn XT 1, xã VH, huyện VN, tỉnh KH. Vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Tuyết D – sinh năm: 1982; Trú tại: Thôn XT 1, xã VH, huyện VN, tỉnh KH. Vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Thúy Q – sinh năm: 1988; Trú tại: Thôn XT 1, xã VH, huyện VN, tỉnh KH. Vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Chí Qu – sinh năm: 1990; Trú tại: Thôn XT 1, xã VH, huyện VN, tỉnh KH. Có mặt.

+ Ông Nguyễn Chí T – sinh năm: 1992; Trú tại: Thôn XT 1, xã VH, huyện VN, tỉnh KH. Có mặt.

+ Ông Nguyễn Chí T2 – sinh năm: 1995; Trú tại: Thôn Xuân Tụ 1, xã Vạn Hưng, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 29/02/2024 gửi đến Tòa án 29/02/2024; các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Chí Trung trình bày:

Ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Trinh N tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 1976 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vạn H, huyện VN, tỉnh KH. Bà N chết vào ngày 27/4/2023, ông H và bà N có 08 (tám) con chung gồm: Nguyễn Tuyết T1, Nguyễn Thị Tuyết V, Nguyễn Thị Tuyết G, Nguyễn Thị Tuyết D, Nguyễn Thị Thúy Q, Nguyễn Chí Qu, Nguyễn Chí T, Nguyễn Chí T2. Ngoài những người con chung trên thì ông H và bà N không còn người con chung hay con riêng nào khác.

Trong quá trình chung sống ông H và bà N tạo lập được khối tài sản chung gồm:

+ 01 (một) lô đất có diện tích 282,4 m² thuộc thửa đất số 164, tờ bản đồ số 49 (bản đồ địa chính xã VH), mục đích sử dụng đất: đất ở tại nông thôn (200m²), đất trồng cây lâu năm: 82,4m², thời hạn sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn: Lâu dài, Đất trồng cây lâu năm: Đến tháng 01/2050, vị trí thửa đất tại thôn XT 1, xã VH, huyện VN, tỉnh KH. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 250640, sổ vào sổ cấp GCN:CH 04710, cấp ngày 01/7/2013 mang tên hộ ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Trinh N (thông tin về hộ ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Trinh N trên Giấy chứng nhận có sai sót, được đính chính lại thành: Ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Trinh N. Theo biên bản kiểm tra ngày 29/7/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện VN).

+ Trên đất có 01 căn nhà cấp 4, mái lợp tôn, tường xây gạch, nền gạch men, diện tích 282,4m².

Sau khi bà N qua đời thì ông H trực tiếp quản lý các tài sản trên. Ông H đã nhiều lần tổ chức họp gia đình để xử lý tài sản do bà N chết để lại nhưng ông T và bà V không đồng ý nên các bên không thỏa thuận được.

Nay ông H yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung giữa ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Trinh N; chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Trinh N gồm nhà, đất, các công trình, vật kiến trúc trên đất thuộc thửa đất số 164, tờ bản đồ số 49 (bản đồ địa chính xã VH), vị trí thửa đất tại thôn XT 1, xã VH, huyện VH, tỉnh KH theo pháp luật. Ông H yêu cầu được nhận nhà đất, các công trình, vật kiến trúc trên đất và thối lại bằng tiền phần tài sản thừa kế cho các đồng thừa kế khác.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/3/2024 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết G trình bày:*

Bà G là con của ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Trinh N, ông H và bà N có với nhau tổng cộng 08 con chung gồm: Nguyễn Tuyết T1, Nguyễn Thị Tuyết V, Nguyễn Thị Tuyết G, Nguyễn Thị Tuyết D, Nguyễn Thị Thúy Q, Nguyễn Chí Qu, Nguyễn Chí T, Nguyễn Chí T2. Mẹ bà chết năm 2023, cha bà hiện đang sống chung với em trai bà là Nguyễn Chí T.

Trong quá trình sống chung cha mẹ bà tạo lập được khối tài sản chung gồm:

Đất tại thửa đất số 164, tờ bản đồ số 49 (bản đồ địa chính xã VH), vị trí tại thôn XT 1, xã VH, huyện VN, tỉnh KH, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 250640, sổ vào sổ cấp GCN: CH 04710, cấp ngày 01/7/2013 mang tên ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Trinh N (thông tin về hộ ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Trinh N trên Giấy chứng nhận có sai sót, được đính chính lại thành: Ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Trinh N. Theo biên bản kiểm tra ngày 29/7/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện VN).

Trên đất một căn nhà cấp 4 mái lợp tôn, tường xây gạch, nền gạch men, diện tích xây dựng khoảng 200m². Nhà, đất hiện đang do cha bà quản lý, sử dụng. Ở trên nhà đất này gồm có cha bà và vợ chồng Nguyễn Chí T, Trần Thị Yến K.

Nay cha bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung giữa ông và mẹ bà là bà Nguyễn Thị Trinh N, chia di sản thừa kế của mẹ bà là bà Nguyễn Thị Trinh N thì bà đồng ý và không có ý kiến gì. Đối với phần tài sản thừa kế mà bà được nhận từ mẹ bà thì bà tự nguyện giao cho cha bà là ông Nguyễn H quản lý, sử dụng. Ngoài ra bà G không còn yêu cầu gì khác.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/3/2024 và ngày 12/11/2024 bà Nguyễn Thị Thúy Q trình bày:*

Bà Q là con của ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Trinh N, ông H và bà N có với nhau tổng cộng 08 con chung gồm: Nguyễn Tuyết T1, Nguyễn Thị Tuyết V, Nguyễn Thị Tuyết G, Nguyễn Thị Tuyết D, Nguyễn Thị Thúy Q, Nguyễn Chí Qu, Nguyễn Chí T, Nguyễn Chí T2. Mẹ bà chết năm 2023, cha bà hiện đang sống chung với em trai bà là Nguyễn Chí T.

Trong quá trình sống chung cha mẹ bà tạo lập được khối tài sản chung gồm:

Đất tại thửa đất số 164, tờ bản đồ số 49 (bản đồ địa chính xã Vạn Hưng), vị trí tại thôn XT 1, xã VH, huyện VN, tỉnh KH, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 250640, số vào sổ cấp GCN: CH 04710, cấp ngày 01/7/2013 mang tên ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Trinh N (thông tin về hộ ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Trinh N trên Giấy chứng nhận có sai sót, được đính chính lại thành: Ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Trinh N. Theo biên bản kiểm tra ngày 29/7/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện VN).

Trên đất một căn nhà cấp 4 mái lợp tôn, tường xây gạch, nền gạch men, diện tích xây dựng khoảng 200m². Nhà, đất hiện đang do cha bà quản lý, sử dụng. Ở trên nhà đất này gồm có cha bà và vợ chồng Nguyễn Chí T, Trần Thị Yến K.

Nay cha bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung giữa cha bà và mẹ bà là Nguyễn Thị Trinh N, chia di sản thừa kế của mẹ bà thì bà đồng ý. Đối với phần tài sản thừa kế mà bà được nhận từ mẹ bà thì bà tự nguyện giao cho cha bà là ông Nguyễn H quản lý, sử dụng. Ngoài ra bà Q không còn yêu cầu gì khác.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/4/2024 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Chí Qu trình bày:*

Ông Qu là con của ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Trinh N, ông H và bà N có với nhau tổng cộng 08 con chung. Mẹ ông chết năm 2023, cha ông hiện đang sống chung với em trai tôi là Nguyễn Chí T.

Trong quá trình sống chung cha mẹ ông tạo lập được khối tài sản chung gồm:

Đất tại thửa đất số 164, tờ bản đồ số 49 (bản đồ địa chính xã VH), vị trí tại thôn XT 1, xã VH, huyện VN, tỉnh KH, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 250640, số vào sổ cấp GCN: CH 04710, cấp ngày 01/7/2013 mang tên ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Trinh N (thông tin về hộ ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Trinh N trên Giấy chứng nhận có sai sót, được đính chính lại thành: Ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Trinh N. Theo biên bản kiểm tra ngày 29/7/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện VN).

Trên đất một căn nhà cấp 4 mái lợp tôn, tường xây gạch, nền gạch men, diện tích xây dựng khoảng 200m². Nhà, đất hiện đang do cha ông quản lý, sử dụng. Ở trên nhà đất này gồm có cha tôi và vợ chồng Nguyễn Chí T, Trần Thị Yến K.

Nay ông Nguyễn H yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung giữa ông và mẹ ông là Nguyễn Thị Trinh N, chia di sản thừa kế của mẹ ông là Nguyễn Thị Trinh N thì ông đồng ý và không có ý kiến gì. Đối với phần tài sản thừa kế mà ông được nhận từ mẹ ông thì ông tự nguyện giao cho cha ông là ông Nguyễn H quản lý, sử dụng.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/3/2024 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Yến K trình bày:*

Bà K và ông Nguyễn Chí T tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 10/2023 nhưng hiện nay chưa đăng ký kết hôn. Sau khi làm đám cưới thì bà về chung sống với ông T tại nhà cha mẹ ông T tại thôn XT 1, xã VH, huyện VN, tỉnh KH. Hiện nay tại nhà, đất của cha mẹ chồng bà K thì có ông T, bà và cha chồng của bà là ông Nguyễn H đang sinh sống trên nhà, đất này.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông H thì không liên quan đến bà vì đây là tài sản của cha mẹ chồng bà, bà không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn H.

** Tại bản tự khai ngày 06/3/2024 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Chí T trình bày:*

Ông T là con của ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Trinh N, ông H và bà N có với nhau tổng cộng 08 con chung. Mẹ ông chết năm 2023, cha ông hiện đang sống chung với ông. Ông, bà ngoại ông là ông Nguyễn Hữu T (sinh năm 1916 và chết năm 1992) và bà Hồ Thị K (sinh năm 1917 và chết năm 2004). Ông, bà ngoại ông đều chết trước mẹ ông.

Trong quá trình sống chung cha mẹ ông tạo lập được khối tài sản chung gồm:

Đất tại thửa đất số 164, tờ bản đồ số 49 (bản đồ địa chính xã VH), vị trí tại thôn XT 1, xã VH, huyện VN, tỉnh KH, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 250640, số vào sổ cấp GCN: CH 04710, cấp ngày 01/7/2013 mang tên ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Trinh N (thông tin về hộ ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Trinh N trên Giấy chứng nhận có sai sót, được đính chính lại thành: Ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Trinh N. Theo biên bản kiểm tra ngày 29/7/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện VN).

Trên đất một căn nhà cấp 4 mái lợp tôn, tường xây gạch, nền gạch men, diện tích xây dựng khoảng 200m². Nhà, đất hiện đang do cha ông quản lý, sử dụng. Ở trên nhà đất này gồm có cha ông và vợ chồng ông là Nguyễn Chí T, Trần Thị Yến K.

Nay ông Nguyễn H yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung giữa cha ông và mẹ ông là Nguyễn Thị Trinh N, chia di sản thừa kế của mẹ ông là Nguyễn Thị Trinh N thì ông đồng ý và không có ý kiến gì. Đối với phần tài sản thừa kế mà ông được nhận từ mẹ thì ông yêu cầu được nhận bằng tiền.

Tại phiên toà ngày 21/3/2025 ông T yêu cầu đối với phần tài sản thừa kế mà ông được nhận từ mẹ ông thì ông tự nguyện giao cho cha ông là ông Nguyễn H quản lý, sử dụng. Ngoài ra ông T không còn yêu cầu gì khác.

** Tại bản tự khai ngày 06/3/2024 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Chí T2 trình bày:*

Ông T2 là con của ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Trinh N, ông H và bà N có với nhau tổng cộng 08 con chung. Mẹ ông chết năm 2023, cha ông hiện đang sống chung với anh trai của ông là ông Nguyễn Chí T. Ông, bà ngoại anh là ông Nguyễn Hữu T (sinh năm 1916 và chết năm 1992) và bà Hồ Thị K (sinh năm 1917 và chết năm 2004). Ông, bà ngoại ông đều chết trước mẹ ông.

Trong quá trình sống chung cha mẹ ông tạo lập được khối tài sản chung gồm:

Đất tại thửa đất số 164, tờ bản đồ số 49 (bản đồ địa chính xã VH), vị trí tại thôn XT 1, xã VH, huyện VN, tỉnh KH, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 250640, số vào sổ cấp GCN: CH 04710, cấp ngày 01/7/2013 mang tên ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Trinh N (thông tin về hộ ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Trinh N trên Giấy chứng nhận có sai sót, được đính chính lại thành: Ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Trinh N. Theo biên bản kiểm tra ngày 29/7/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện VN).

Trên đất một căn nhà cấp 4 mái lợp tôn, tường xây gạch, nền gạch men, diện tích xây dựng khoảng 200m². Nhà, đất hiện đang do cha ông quản lý, sử dụng. Ở trên nhà đất này gồm có cha ông và vợ chồng ông Nguyễn Chí T, bà Trần Thị Yến K.

Nay ông Nguyễn H yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung giữa ba ông và mẹ ông là Nguyễn Thị Trinh N, chia di sản thừa kế của mẹ ông là Nguyễn Thị Trinh N thì ông đồng ý và không có ý kiến gì. Đối với phần tài sản thừa kế mà ông được nhận từ mẹ thì ông yêu cầu được nhận bằng tiền.

Tại phiên toà ngày 21/3/2025 ông T2 yêu cầu đối với phần tài sản thừa kế mà ông được nhận từ mẹ ông thì ông tự nguyện giao cho cha ông là ông Nguyễn H quản lý, sử dụng. Ngoài ra ông T2 không còn yêu cầu gì khác.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/11/2024 bà Nguyễn Thị Tuyết D trình bày:*

Bà D là con của ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Trinh N, ông H và bà N có với nhau tổng cộng 08 con chung gồm: Nguyễn Tuyết T1, Nguyễn Thị Tuyết V, Nguyễn Thị Tuyết G, Nguyễn Thị Tuyết D, Nguyễn Thị Thúy Q, Nguyễn Chí Qu, Nguyễn Chí T, Nguyễn Chí T2. Mẹ bà chết năm 2023, cha bà hiện đang sống chung với em trai bà là Nguyễn Chí T.

Trong quá trình sống chung cha mẹ bà tạo lập được khối tài sản chung gồm:

Đất tại thửa đất số 164, tờ bản đồ số 49 (bản đồ địa chính xã VH), vị trí tại thôn XT 1, xã VH, huyện VH, tỉnh KH, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 250640, số vào sổ cấp GCN: CH 04710, cấp ngày 01/7/2013 mang tên ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Trinh N (thông tin về hộ ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Trinh N trên Giấy chứng nhận có sai sót, được đính chính lại thành: Ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Trinh N. Theo biên bản kiểm tra ngày 29/7/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện VN).

Trên đất một căn nhà cấp 4 mái lợp tôn, tường xây gạch, nền gạch men, diện tích xây dựng khoảng 200m². Nhà, đất hiện đang do cha bà quản lý, sử dụng. Ở trên nhà đất này gồm có cha bà và vợ chồng Nguyễn Chí T, Trần Thị Yến K.

Nay cha bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung giữa cha bà và mẹ bà là Nguyễn Thị Trinh N, chia di sản thừa kế của mẹ bà thì bà đồng ý. Đối với phần tài sản thừa kế mà bà được nhận từ mẹ bà thì bà tự nguyện giao cho cha bà là ông Nguyễn H quản lý, sử dụng. Ngoài ra bà D không còn yêu cầu gì khác.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh, tổng đạt hợp lệ nhiều lần các giấy triệu tập và các văn bản tố tụng đối với bị đơn ông Nguyễn Tuyết T1, bà Nguyễn Thị Tuyết V để lấy lời khai, để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn ông Nguyễn Tuyết T1, bà Nguyễn Thị Tuyết V đều không có mặt để làm việc theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án, nên Tòa án không lấy được lời khai của ông T1, bà V và không tiến hành hòa giải được vụ án.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 73 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Nguyễn H khởi kiện ông Nguyễn Tuyết T1, bà Nguyễn Thị Tuyết V về việc “Yêu cầu chia tài sản chung và tranh chấp tài sản thừa kế” đối với nhà, đất, các công trình, vật kiến trúc trên đất thuộc thửa đất số 164, tờ bản đồ số 49 (bản đồ địa chính xã VH), vị trí tại thôn XT 1, xã VH, huyện VN, tỉnh KH. Căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh KH có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[1.2] Bị đơn ông Nguyễn Tuyết T1, bà Nguyễn Thị Tuyết V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người trên.

[2] Về yêu cầu khởi kiện.

[2.1] Xác định tài sản chung của ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Trinh N (chết năm 2023): Trên cơ sở các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ có căn cứ xác định thửa đất số 164, tờ bản đồ số 49 (bản đồ địa chính xã VH) có diện tích 282,4 m² có vị trí tại thôn XT 1, xã VH, huyện VN, tỉnh KH có vị trí, ranh giới, diện tích đúng như Sơ đồ thửa đất do Công ty đo đạc dịch vụ địa chính Nam Khánh - Chi nhánh Khánh Hòa lập. Thửa đất này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Trinh N (chết năm 2023). Do vậy đây là tài sản chung của ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Trinh N.

[2.2] Thời hiệu thừa kế: Bà Nguyễn Thị Trinh N (chết năm 2023) theo quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì thời hiệu chia thừa kế đối với di sản của bà Nguyễn Thị Trinh N để lại vẫn còn.

[2.3] Xác định hàng thừa kế của bà Nguyễn Thị Trinh N: Cha mẹ của bà Nguyễn Thị Trinh N là ông Nguyễn Hữu T (sinh năm 1916 và chết năm 1992) và bà Hồ Thị K (sinh năm 1917 và chết năm 2004). Ông T, bà K đều chết trước bà N.

Ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Trinh N có với nhau tổng cộng 08 con chung gồm: Nguyễn Tuyết T1, Nguyễn Thị Tuyết V, Nguyễn Thị Tuyết G, Nguyễn Thị Tuyết D, Nguyễn Thị Thúy Q, Nguyễn Chí Qu, Nguyễn Chí T, Nguyễn Chí T2. Ngoài ra không có người con chung hay con riêng nào khác.

Từ những căn cứ trên xác định hàng thừa kế của bà Nguyễn Thị Trinh N bao gồm những người sau: Ông Nguyễn H, ông Nguyễn Tuyết T1, bà Nguyễn Thị Tuyết V, bà Nguyễn Thị Tuyết G, bà Nguyễn Thị Tuyết D, bà Nguyễn Thị Thúy Q, ông Nguyễn Chí Qu, ông Nguyễn Chí T, ông Nguyễn Chí T2.

[3] Nguồn gốc các thửa đất tranh chấp và xét yêu cầu chia tài sản chung của ông Nguyễn H:

+ Đối với thửa đất số 164, tờ bản đồ số 49 được tạo lập trong quá trình hôn nhân do đó chia cho mỗi bên hưởng một nửa giá trị là phù hợp.

Căn cứ theo biên bản định giá ngày 12/11/2024 của Hội đồng định giá thì đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 164 tờ bản đồ số 49 có giá trị $522.440.000đ + 416.150.188đ = 938.590.188đ$ (chín trăm ba mươi tám triệu năm trăm chín mươi nghìn một trăm tám mươi tám đồng).

Các đương sự không có ý kiến gì về kết quả định giá tài sản nên Hội đồng xét xử căn cứ vào mức giá trên làm căn cứ để chia tài sản chung và chia thừa kế. Như vậy, ông H và bà N được nhận phần tài sản như sau:

Đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 164 tờ bản đồ số 49 có giá trị 938.590.188đ (chín trăm ba mươi tám triệu năm trăm chín mươi nghìn một trăm tám mươi tám đồng), được chia theo tỷ lệ 50/50, cụ thể như sau:

+ Ông Nguyễn H được hưởng 50% giá trị đất và tài sản gắn liền với đất tương đương số tiền 469.295.094đ (bốn trăm sáu mươi chín triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn không trăm chín mươi bốn đồng).

+ Bà Nguyễn Thị Trinh N được hưởng 50% giá trị đất và tài sản gắn liền với đất tương đương số tiền 469.295.094đ (bốn trăm sáu mươi chín triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn không trăm chín mươi bốn đồng).

[6] Xét yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của bà Nguyễn Thị Trinh N:

Bà Nguyễn Thị Trinh N chết năm 2023, không để lại di chúc nên căn cứ Điều 650 Bộ luật Dân sự Tòa án chia thừa kế di sản của bà N theo pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Tuyết T1, bà Nguyễn Thị Tuyết V mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để làm việc nhưng bà V và ông T1 không lên làm việc và cũng không có lý do. Do đó, không lấy được ý kiến của bà V và ông T1 về việc mong muốn nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật hay bằng giá trị tài sản. Việc ông T1 và bà V không lên làm việc là tự tước bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, tiếp tục chia tài sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Trinh N theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Tuyết G, bà Nguyễn Thị Tuyết D, bà Nguyễn Thị Thúy Q, ông Nguyễn Chí Qu, ông Nguyễn Chí T, ông Nguyễn Chí T2 từ chối nhận di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Trinh N, yêu cầu giao lại kỷ phần thừa kế mà bà G, bà D, bà Q, ông Qu, ông T, ông T2 được nhận cho ông Nguyễn H. Xét thấy yêu cầu trên là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ Điều 620 Bộ luật dân sự thì bà G, bà D, bà Q, ông Qu, ông T, ông T2 không được nhận di sản thừa kế của bà N.

Theo quy định tại Điều 651 Bộ luật dân sự 2015 thì ông Nguyễn H, ông Nguyễn Tuyết T1, bà Nguyễn Thị Tuyết V, bà Nguyễn Thị Tuyết G, bà Nguyễn Thị Tuyết D, bà Nguyễn Thị Thúy Q, ông Nguyễn Chí Qu, ông Nguyễn Chí T, ông Nguyễn Chí T2 cùng thuộc hàng thừa kế thứ nhất do đó ông H, ông T1, bà V, bà G, bà D, bà Q, ông Qu, ông T, ông T2 sẽ được hưởng phần thừa kế ngang bằng nhau:

Di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Trinh N là 469.295.094 đồng: 9 = 52.143.899đ (năm mươi hai triệu một trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm chín mươi chín đồng).

Như vậy, ông H, ông T1, bà V1, bà G, bà D, bà Q, ông Qu, ông T, ông T2 mỗi người sẽ được hưởng một phần di sản thừa kế bằng 52.143.899đ (năm mươi hai triệu một trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm chín mươi chín đồng).

Tại đơn khởi kiện của ông Nguyễn H cũng như các biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn H đều có yêu cầu nhận di sản thừa kế bằng hiện vật và thối lại bằng tiền cho những đồng thừa kế còn lại. Xét thấy, ông Nguyễn H đang sinh sống trên nhà đất này và đang trực tiếp quản lý, sử dụng đối với nhà đất này, nay ông H có nguyện vọng được nhận các tài sản bằng hiện vật và thối lại bằng tiền cho những đồng thừa kế là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Tuyết G, bà Nguyễn Thị Tuyết D, bà Nguyễn Thị Thúy Q, ông Nguyễn Chí Qu, ông Nguyễn Chí T, ông Nguyễn Chí T2 có yêu cầu được

tặng lại toàn bộ phần thừa kế mà các ông, bà được hưởng cho ông Nguyễn H nên ghi nhận yêu cầu này của bà G, bà Q, bà D, ông Qu, ông T, ông T2.

Từ những cơ sở trên, căn cứ các Điều 611, 613, 620, 623, 649, 650, 651, 652, 660 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản chung giữa ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị Trinh N và chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Trinh N.

+ Giao cho ông Nguyễn H quản lý và sử dụng các tài sản gồm: nhà, đất, các công trình, vật kiến trúc trên đất thuộc thửa đất số 164, tờ bản đồ số 49 (bản đồ địa chính xã VH) có diện tích 282,4 m². Vị trí tại thôn XT 1, xã VH, huyện VN, tỉnh KH. Ông H có trách nhiệm thôi lại cho ông Nguyễn Tuyết T1, bà Nguyễn Thị Tuyết V mỗi người số tiền 52.143.899đ (năm mươi hai triệu một trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm chín mươi chín đồng).

+ Ghi nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị Tuyết G, bà Nguyễn Thị Tuyết D, bà Nguyễn Thị Thúy Q, ông Nguyễn Chí Qu, ông Nguyễn Chí T, ông Nguyễn Chí T2 tặng cho ông Nguyễn H phần tài sản thừa kế mà họ được hưởng.

[5] Về án phí, chi phí đo vẽ định giá:

Về chi phí đo vẽ, định giá: Tổng chi phí đo vẽ định giá nguyên đơn đã thanh toán. Tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải thanh toán các chi phí này, nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của nguyên đơn.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn H phải chịu số tiền án phí là 35.286.180đ (Ba mươi lăm triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn một trăm tám mươi đồng), nhưng ông Nguyễn H sinh năm 1954, là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí. Hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông Nguyễn Tuyết T1, bà Nguyễn Thị Tuyết V mỗi người phải chịu án phí với số tiền là 2.607.194 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 59; Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 611, 613, 620, 623, 649, 650, 651, 652, 660 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn H về việc chia tài sản chung của ông Nguyễn H với bà Nguyễn Thị Trinh N (chết năm 2023) và chia tài sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Trinh N đối với nhà, đất

và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 164 tờ bản đồ số 49 (bản đồ địa chính xã VH), vị trí thuộc thôn XT 1, xã VH, huyện VN, tỉnh KH.

[2] Chia đôi tài sản của ông Nguyễn H với bà Nguyễn Thị Trinh N (chết năm 2023); trong đó ông Nguyễn H được hưởng tổng giá trị tài sản tương đương số tiền là 469.295.094đ (bốn trăm sáu mươi chín triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn không trăm chín mươi bốn đồng); bà Nguyễn Thị Trinh N được hưởng tổng giá trị tài sản tương đương số tiền là 469.295.094đ (bốn trăm sáu mươi chín triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn không trăm chín mươi bốn đồng).

[3] Chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Trinh N (chết) để lại cho ông Nguyễn H, ông Nguyễn Tuyết T1, bà Nguyễn Thị Tuyết V, bà Nguyễn Thị Tuyết G, bà Nguyễn Thị Tuyết D, bà Nguyễn Thị Thúy Q, ông Nguyễn Chí Qu, ông Nguyễn Chí T, ông Nguyễn Chí T2 thành 09 (chín) phần bằng nhau, mỗi người được hưởng phần tài sản thừa kế của bà Nguyễn Thị Trinh N (chết năm 2023) tương đương với số tiền là 52.143.899đ (năm mươi hai triệu một trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm chín mươi chín đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Tuyết G, bà Nguyễn Thị Tuyết D, bà Nguyễn Thị Thúy Q, ông Nguyễn Chí Qu, ông Nguyễn Chí T, ông Nguyễn Chí T2 tặng cho ông Nguyễn H phần tài sản thừa kế mà họ được hưởng.

Như vậy ông Nguyễn H được nhận phần tài sản chung có giá trị tài sản tương đương số tiền là 469.295.094 đồng; Kỷ phần ông Nguyễn H được hưởng thừa kế từ bà Nguyễn Thị Trinh N (chết năm 2023) với số tiền là 52.143.899đ và kỷ phần ông được nhận tặng cho từ bà Nguyễn Thị Tuyết G, bà Nguyễn Thị Tuyết D, bà Nguyễn Thị Thúy Q, ông Nguyễn Chí Qu, ông Nguyễn Chí T, ông Nguyễn Chí T2 với số tiền là 312.863.394 đồng. Do vậy, tổng giá trị tài sản ông H được nhận là: 782.158.488 đồng (Bảy trăm tám mươi hai triệu một trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng). Tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn H là ông Nguyễn Chí T yêu cầu nhận di sản thừa kế bằng hiện vật và thôi lại bằng tiền cho những đồng thừa kế còn lại nên giao cho ông Nguyễn H nhà, đất, các công trình, vật kiến trúc trên đất thuộc thửa đất số 164, tờ bản đồ số 49 (bản đồ địa chính xã Vạn Hưng) có diện tích 282,4 m². Vị trí tại thôn XT 1, xã VH, huyện VN, tỉnh KH (có sơ đồ, bản vẽ kèm theo).

Ông Nguyễn H có trách nhiệm thôi lại cho ông Nguyễn Tuyết T1, bà Nguyễn Thị Tuyết V mỗi người số tiền 52.143.899đ (năm mươi hai triệu một trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm chín mươi chín đồng).

Quy định: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Ông Nguyễn H liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất của mình đối với thửa đất số 164 tờ bản đồ số 49 (bản đồ địa chính xã VH), vị trí thửa đất thuộc thôn XT 1, xã VH, huyện VN, tỉnh KH.

[4] Về án phí, chi phí đo vẽ định giá:

Về chi phí đo vẽ, định giá: Nguyên đơn đã thanh toán chi phí thẩm, định giá tài sản tranh chấp. Tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải thanh toán các chi phí này, nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của nguyên đơn.

[5] Về án phí:

[5.1] Ông Nguyễn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 35.286.180đ (Ba mươi lăm triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn một trăm tám mươi đồng). Ông Nguyễn H là người cao tuổi nên theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326 miễn toà bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn H toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.861.000 đồng (Bốn triệu tám trăm sáu mươi một nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006867 ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VN, tỉnh KH.

[5.2] Ông Nguyễn Tuyết T1, bà Nguyễn Thị Tuyết V mỗi người phải chịu án phí với số tiền là 2.607.194 đồng.

[6] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện VN;
- Chi cục THADS huyện VN;
- (Sau khi án có hiệu lực pháp luật);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Võ Thị Hòa Thanh

